

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/DS-ST
Ngày: 22-9-2023
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tống Văn Tâm;
- Ông Huỳnh Sơn Tây.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Trần Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố 3, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Trường S, sinh năm 1988; địa chỉ: 439/85/13, khu phố 1, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 04/11/2022 và ngày 31/7/2023); có mặt.

2. **Bị đơn:** ông Đồng Minh D, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố P, phường C, thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trần Thị Quế Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố 3, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Phước; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện nguyên đơn ông Lê Trường Sơn trình bày: Nguyên trước đây, ông Đồng Minh D có nợ bà Trần Thị Quế Tr số tiền 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng); bà Trần Thị Quế Tr có nợ bà Trần Thị H số tiền 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng). Do đó, Ngày 22/6/2020 giữa bà Trần Thị H, ông Đồng Minh D và bà Trần Thị Quế Tr ký kết Văn bản thoả thuận với nội dung như sau: Sau khi thoả thuận của các bên và có sự đồng ý từ phía ông Đồng Minh D thì số nợ trên ông Đồng Minh D sẽ trả trực tiếp cho bà Trần Thị H. Bà Tr sẽ không còn nợ bà H.

Ông D và bà H thống nhất phương thức trả nợ như sau: Vào ngày 22 hàng tháng ông D sẽ trả cho bà H mỗi tháng số tiền gốc là 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của bà Trần Thị H, cộng với phần lãi suất tháng đầu tiên với số tiền 67.000.000 đồng (tương đương 1%/tháng), khi ông D trả tiền gốc giảm thì tiền lãi cũng sẽ giảm theo hàng tháng.

Kể từ ngày ba bên ký Văn bản thoả thuận nêu trên thì ông D đã chuyển khoản trả cho bà H các lần như sau: ngày 16/09/2020 chuyển trả 100.000.000 đồng; ngày 27/10/2020 chuyển trả 103.000.000 đồng; ngày 08/02/2021 chuyển trả 130.000.000 đồng; ngày 12/03/2021 chuyển trả 02 lần là 2.000.000.000 đồng; ngày 27/04/2021 chuyển trả 60.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà ông D đã chuyển khoản trả cho bà H là 2.393.000.000 đồng, bà H làm tròn là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên, cho đến nay ông D vẫn chưa trả cho bà H khoản tiền nào. Do đó, bà H khởi kiện đến Toà án.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Đồng Minh D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc 4.300.000.000 đồng (*bốn tỷ ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi với lãi suất 0,833%/tháng tạm tính từ ngày 22/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2023) là 501.466.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông D có nghĩa vụ trả cho bà H là 4.801.466.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn và bị đơn ông Đồng Minh D trình bày: Nguyên trước đây ông Đồng Minh D có nợ bà Trần Thị Quế Tr số tiền 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng). Do đó, ngày 22/6/2020, giữa ông Đồng Minh D, bà Trần Thị Quế Tr và nguyên đơn bà Trần Thị H có ký Văn bản thoả thuận ba bên như sau: thay vì ông D trả nợ cho bà Tr số tiền 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng) thì nay ông D sẽ trả nợ cho bà H. Từ ngày 22/6/2020 cho đến trước ngày bà H khởi kiện thì ông D đã chuyển trả cho bà H một khoản tiền nhiều hơn số tiền 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) như bà H đã trình bày. Việc trả nợ được ông D chuyển khoản cho bà Tr và bà Tr trực tiếp chuyển khoản cho bà H.

Ngày 05/4/2023, giữa ông D và bà Tr có ký kết một văn bản “Giấy nhận nợ” với nội dung: bà Tr xác nhận có nợ tiền bà H và đồng ý trả số tiền còn lại 4.300.000.000 đồng cho bà H, ông D không còn nợ bà H vì hiện nay ông D không còn khả năng trả nợ. Do đó, ông D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Quế Tr trình bày: Trong quá trình hợp tác kinh doanh, ông Đồng Minh D có nợ bà Tr số tiền 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng) và đồng thời bà Tr có nợ bà Trần Thị H số tiền 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng). Đến ngày 22/6/2020, giữa bà Tr, ông D và bà H cùng ký một văn bản thỏa thuận chuyển quyền yêu cầu và chuyển nghĩa vụ trả nợ cụ thể: khoản nợ 6.700.000.000 đồng ông D có nghĩa vụ trả nợ cho bà H, bà Tr chuyển quyền yêu cầu đòi sang cho bà H và bà Tr không còn nợ bà H nữa. Cho đến nay ông D mới trả cho bà H tổng số tiền gốc 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi suất 1%/tháng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, tiền lãi ông D chuyển trả tháng có, tháng không. Như vậy, ông D còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bà H số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng). Ngày 08/02/2023, bà Tr có viết giấy nhận nợ thay cho ông D nhưng bà H không chấp nhận. Mặc khác, hiện tại bà Tr đang rất khó khăn và không còn khả năng trả nợ thay ông D trả cho bà H số tiền gốc còn lại 4.300.000.000 đồng. Do đó, bà Tr yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho bà H số tiền còn lại đúng theo Văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2020 mà ba bên đã ký kết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đồng Minh D trả số tiền 4.300.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0.833%/tháng tính từ ngày 22/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo Văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2020 giữa bà Trần Thị H, ông Đồng Minh D và bà Trần Thị Quế Tr. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại

khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đồng Minh D cư trú tại: khu phố P, phường C, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt của các đương sự: bị đơn ông Đồng Minh D được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bị đơn ông Đồng Minh D có nghĩa vụ trả số tiền gốc 4.300.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,833%/tháng tính từ ngày 22/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 501.466.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Đồng Minh D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H là 4.801.466.000 đồng (*bốn tỷ tám trăm lẻ một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu về khoản tiền gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận vào ngày 22/6/2020, giữa bà Trần Thị H (nguyên đơn), ông Đồng Minh D (bị đơn) và bà Trần Thị Quế Tr (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có ký Văn bản thoả thuận với nội dung thể hiện: *“Nguyên trước đây ông Đồng Minh D có nợ bà Trần Thị Quế Tr số tiền 6.700.000.000 đồng, ... Vào ngày 22 tháng 6 năm 2020 sau khi thoả thuận các bên và có sự đồng ý từ phía ông Đồng Minh D... thì số nợ trên ông D sẽ nhận nợ và trả trực tiếp cho bà Trần Thị H... số nợ giữa ông D và bà Tr sẽ chấm dứt khi ba bên ký vào văn bản thoả thuận này... phương thức trả nợ... ông D vào ngày 22 hàng tháng sẽ trả cho bà H mỗi tháng tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng... bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản...”*.

Theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ. 2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”*. Như vậy, việc các bên xác lập Văn bản thoả thuận nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự về việc chuyển giao nghĩa vụ.

Sau khi ký kết Văn bản thoả thuận nêu trên thì tổng số tiền bị đơn ông D đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn bà H thông qua bà Tr là 2.393.000.000 đồng; việc chuyển trả vào các ngày 16/09/2020 chuyển trả 100.000.000 đồng, ngày 27/10/2020 chuyển trả 103.000.000 đồng, ngày 08/02/2021 chuyển trả 130.000.000 đồng, ngày 12/3/2021 chuyển trả 02 lần là 2.000.000.000 đồng và ngày 27/4/2021 chuyển trả 60.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đồng Minh D và bà Trần Thị Quế Tr thừa nhận vào ngày 22/6/2020

các bên có ký Văn bản thoả thuận với nội dung nêu trên và bị đơn đã chuyển trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc là 2.393.000.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đồng Minh D không đồng ý tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng vì bà Tr đã đồng ý thay bị đơn tiếp tục trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Tr không đồng ý; nguyên đơn và đại diện nguyên đơn cũng không đồng ý việc này. Bị đơn cho rằng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là nhiều hơn số tiền 2.400.000.000 đồng nhưng bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh cho điều này và nguyên đơn, đại diện nguyên đơn cũng không thừa nhận. Theo Văn bản thoả thuận ngày 22/6/2020 thì bị đơn ông D có vụ nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H số tiền 6.700.000.000 đồng, ông D đã chuyển trả cho bà H số tiền 2.393.000.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 4.307.000.000 đồng. Tuy nhiên, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 4.300.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền gốc 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 0,833%/tháng tính từ ngày 22/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2023) là 501.466.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Theo Điều 1 của Văn bản thoả thuận ngày 22/6/2020 các bên thoả thuận “...ông D vào ngày 22 hàng tháng sẽ trả cho bà H mỗi tháng tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng...cộng với phần lãi suất tháng đầu tiên ... số tiền 67.000.000 đồng...số tiền nợ gốc giảm thì số tiền lãi cũng giảm theo hàng tháng và số tiền lãi do hai bên thoả thuận ở ngoài (có viết giấy tay kèm theo)...”. Như vậy, thoả thuận phần tiền lãi phát sinh giữa các bên là không có cụ thể. Theo chứng cứ thể hiện từ sau ngày 27/4/2021, bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) thì bị đơn ngưng trả cho đến nay. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là từ tháng 5/2021. Tuy nhiên, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi với bị đơn từ ngày 22/7/2022 là có lợi cho bị đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả với lãi suất 0,833%/tháng, kể từ ngày 22/7/2022 với số tiền 501.466.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 463, 466, 370, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Đồng Minh D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đồng Minh D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền 4.801.466.000 đồng (*bốn tỷ tám trăm lẻ một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*); trong đó, tiền gốc là 4.300.000.000 đồng và tiền lãi là 501.466.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

+ Ông Đồng Minh D phải chịu 112.801.000 đồng (*một trăm mười hai triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Lê